

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN TRẺ EM TRONG LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM NĂM 2004

*Trần Quang Tiệp**

Để có thể làm sáng tỏ quyền trẻ em, trước hết cần làm rõ khái niệm trẻ em. Thuật ngữ “trẻ em” (tiếng Pháp là enfant) nếu theo gốc từ tiếng Latin là infans, có nghĩa là không biết nói. Ngày nay, thuật ngữ “trẻ em” được hiểu theo nghĩa rộng hơn. TS. Trần Thị Thanh Thanh đã đưa ra khái niệm trẻ em: “Trẻ em là một thuật ngữ nhằm chỉ một nhóm xã hội thuộc về một độ tuổi nhất định trong giai đoạn đầu của sự phát triển con người”¹. Đó là những người “do chưa trưởng thành về tinh thần và thể lực, cần có sự bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, bao gồm sự bảo vệ về pháp lý thích hợp, trước cũng như sau khi sinh (Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền trẻ em)”².

Theo quy định tại Điều 1 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “Trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi, trừ khi luật pháp quốc gia công nhận tuổi thành niên sớm hơn”³. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 14-11-1979, lần đầu tiên đã đưa ra định nghĩa pháp lý về trẻ em tại Điều 1: “Trẻ em trong Pháp lệnh này bao gồm các em từ mới sinh đến 15 tuổi”. Từ khái niệm này, có thể rút ra nhận xét: chúng ta không thừa nhận phôi thai là một con người như quan điểm của một số học giả Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về “quyền bất khả xâm phạm về

thân thể phải được pháp luật bảo vệ, và nói chung kể từ khi có thai”⁴.

Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 12-08-1991 (sau đây gọi tắt là Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991), cũng như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sửa đổi) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, thông qua tại kỳ họp thứ 5 ngày 15-06-2004 (sau đây gọi tắt là Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004), đều đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm trẻ em tại Điều 1: “Trẻ em quy định trong Luật này là công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi”. Như vậy, so với Pháp lệnh về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 14-11-1979, nội hàm của khái niệm trẻ em đã được mở rộng hơn từ dưới 15 tuổi lên dưới 16 tuổi.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, ngoài khái niệm trẻ em, còn có khái niệm người chưa thành niên, người thành niên. Theo quy định tại Điều 18 Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 14-06-2005 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Dân sự năm 2005): “Người từ đủ mười tám tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên”. Như vậy, khái niệm người chưa thành niên có nội hàm rộng hơn so với khái niệm trẻ em; trẻ em đương nhiên là người chưa thành niên, còn người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không được coi là trẻ em theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cách tiếp cận này có ý nghĩa vô

TS Luật học, Tổng cục An ninh, Bộ Công an

¹ Xem: TS. Trần Thị Thanh Thanh (chủ biên): Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong thời kỳ mới – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 2002, tr. 29.

² Xem: *Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997, tr. 13.

³ Xem: *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 23.

⁴ Xem: Jacques Mourgon: *Quyền con người*, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX-07, đề tài KX-07-16 xuất bản, Hà Nội, 1995, tr. 10.

cùng quan trọng trong việc xây dựng, thực hiện chính sách chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta.

Vấn đề tiếp theo cần làm sáng tỏ là khái niệm quyền. Theo Đại từ điển tiếng Việt, quyền là: "lợi lộc được hưởng do địa vị đem lại"⁵. Như vậy, có thể hiểu quyền trẻ em là những đặc lợi mà chỉ trẻ em mới được hưởng. Do trẻ em là một thực thể sinh học - xã hội, là sự thống nhất giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội, cho nên quyền trẻ em cũng vừa mang tính tự nhiên, vừa mang tính xã hội.

Trên cơ sở phân tích ở trên, chúng ta không chấp nhận quan điểm tư sản tuyệt đối hóa mặt tự nhiên của quyền con người, quyền trẻ em. Cũng như quyền con người, quyền trẻ em là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới và cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên nhiên, vì vậy quyền trẻ em trở thành giá trị chung của nhân loại.

Mặt khác, cũng do trẻ em là một thực thể sinh học - xã hội, cho nên quyền trẻ em vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù. Tính phổ biến của quyền trẻ em có nghĩa quyền này được áp dụng phổ biến mọi nơi, cho mọi đối tượng được coi là trẻ em. Còn tính đặc thù của quyền trẻ em có nghĩa, quyền này ở mỗi quốc gia, mỗi lãnh thổ do trình độ phát triển khác nhau mà có đặc điểm riêng phù hợp với điều kiện từng quốc gia, lãnh thổ đó. Tính phổ biến và tính đặc thù của quyền trẻ em có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Không thể đối lập tính phổ biến với tính đặc thù và ngược lại. Tuyệt đối hóa tính đặc thù sẽ không thể tiếp thu được những giá trị phổ biến, sẽ là yếu tố cản trở quá trình hội nhập quốc tế về quyền trẻ em, ngược lại, tuyệt đối hóa tính phổ biến, sẽ bị rơi vào sự lệ thuộc của quốc gia khác⁶.

Quyền trẻ em mang tính giai cấp sâu sắc. Quyền trẻ em được tôn trọng và thực hiện ở Việt Nam ngày nay, là thành quả của cuộc đấu tranh gian khổ, trường kỳ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quyền trẻ em còn có quan hệ thống nhất hữu cơ với quyền dân tộc cơ bản; nói cách khác, quyền trẻ em chỉ tồn tại trong độc lập dân tộc. Nước Việt Nam độc lập, trẻ em Việt Nam mới có quyền con người, quyền trẻ em.

Từ sự phân tích ở trên, có thể đưa ra khái niệm quyền trẻ em như sau: *quyền trẻ em là những đặc lợi vốn có, tự nhiên mà chỉ trẻ em mới được hưởng trong những điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhất định.*

Quyền trẻ em vừa mang tính tự nhiên, cho nên nó là giá trị chung, phổ biến và nó lại vừa mang tính xã hội, cho nên còn có tính đặc thù, gắn liền với lịch sử, truyền thống và phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi nước. Chúng ta đang sống trong một thế giới rất đa dạng, phong phú, với bản sắc dân tộc, truyền thống văn hóa, điều kiện địa lý, chính trị, trình độ phát triển khác nhau. Đó là một thực tế đòi hỏi phải tôn trọng tính đặc thù của quyền trẻ em, không thể áp đặt hoặc sao chép máy móc các tiêu chuẩn, mô thức về quyền trẻ em của nước này cho nước khác. Đối với chúng ta, nội dung quyền trẻ em được đặt ra xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, từ bản chất của chế độ ta. Quyền trẻ em bao gồm những nội dung sau:

Thứ nhất, quyền được sống và phát triển

Quyền được sống và phát triển của trẻ em đã chính thức được ghi nhận trong Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta - Hiến pháp năm 1946, và từng bước được khẳng định, phát triển trong các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992.

Trong Hiến pháp năm 1946, Điều 14, thuật ngữ trẻ em lúc đó được sử dụng bằng thuật ngữ trẻ con: "Trẻ con được săn sóc về mặt giáo

⁵ Xem: Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 1383.

⁶ Xem: GS. TS Hoàng Văn Hào: *Tìm hiểu những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người* trong sách *Nhân quyền - Quan niệm và thực*

đường”⁷; Điều 15 quy định sự quan tâm của Nhà nước đối với việc học tập của trẻ em nói chung, trẻ em nghèo nói riêng: “Học trò nghèo được Chính phủ giúp”⁸. Trong Hiến pháp năm 1959, quyền trẻ em được sống và phát triển đã được Nhà nước ghi nhận, bảo hộ tại Điều 24: “Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ”⁹; trong Hiến pháp năm 1980, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ quyền được sống và phát triển của trẻ em đã được khẳng định tại Điều 47: “Nhà nước và xã hội bảo vệ bà mẹ và trẻ em”¹⁰; Điều 65 còn quy định: “Nhà nước và xã hội chú trọng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng, mở rộng dần việc đảm nhiệm nuôi dạy trẻ em, làm cho sinh hoạt, học tập và trưởng thành của trẻ em được bảo đảm”¹¹; trong Hiến pháp năm 1992, ngoài trách nhiệm của Nhà nước và xã hội, Điều 65 đã quy định thêm trách nhiệm của gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em nói trên: “Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục”¹². Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 cũng đã ghi nhận quyền được sống và phát triển của trẻ em tại Điều 6: “1. Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dạy để phát triển thể chất, trí tuệ và đạo đức”.

Điều 14 Luật này quy định cụ thể hơn quyền được sống và phát triển của trẻ em: “1. Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự.

Những quy định nói trên hoàn toàn phù hợp với Điều 6 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “1. Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng tất cả mọi trẻ em đều có quyền cơ bản được sống.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm

⁷ Xem: *Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 10.

⁸ Xem: *Sdd*, tr. 11.

⁹ Xem: *Sdd*, tr. 34.

¹⁰ Xem: *Sdd*, tr. 83.

¹¹ Xem: *Sdd*, tr. 83.

¹² Xem: *Sdd*, tr. 143.

đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em”¹³.

Thứ hai, quyền được khai sinh và có quốc tịch

Ngoài quyền được sống và phát triển, trẻ em còn có quyền được khai sinh và có quốc tịch (Điều 11 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004). Quyền trẻ em này cũng đã chính thức được ghi nhận tại Điều 7 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “1. Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi sinh ra và có quyền ngay từ khi ra đời, có họ tên, quyền có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc sau khi ra đời.

2. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm thực thi các quyền đó phù hợp với pháp luật quốc gia, với những nghĩa vụ của họ theo những văn kiện quốc tế có liên quan trong lĩnh vực này, đặc biệt ở trường hợp là nếu không làm như thế thì trẻ em sẽ không có quốc tịch”¹⁴.

Trong khoa học pháp lý, quyền được khai sinh và có quốc tịch được gọi là quyền có căn cước (identité)¹⁵ và đây được coi là một trong những quyền trẻ em cơ bản nhất.

Thứ ba, quyền được giữ gìn căn cước của mình

Từ quyền có căn cước, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em còn ghi nhận trẻ em có quyền được giữ gìn căn cước của mình, kể cả quốc tịch, họ tên và các quan hệ gia đình tại Điều 8: “1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng quyền của trẻ em được giữ gìn căn cước (identity) của mình, kể cả quốc tịch, họ tên và các quan hệ gia đình được pháp luật thừa nhận, không có sự can thiệp phi pháp.

2. Nơi nào có trẻ em bị tước đoạt một cách phi pháp một vài hoặc tất cả những yếu tố cấu thành căn cước của nó, thì các quốc gia thành viên phải có biện pháp giúp đỡ và bảo vệ thích hợp nhằm nhanh chóng khôi phục lại căn cước

¹³ Xem: *Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em*, Nxb Chính trị Quốc gia, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997, tr. 28 - 29.

¹⁴ Xem: *Sdd*, tr. 29.

¹⁵ Xem: Françoise dekeuwer - Döfossez: *Quyền trẻ em*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1976.

cho trẻ em đó”¹⁶.

Thứ tư, quyền sống chung với cha mẹ

Đây là quyền năng đặc biệt bảo đảm cho trẻ em được phát triển toàn diện và trở thành những người có ích cho xã hội. Điều 13 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “Trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ.

Không ai có quyền buộc trẻ em phải cách ly cha mẹ, trừ trường hợp vì lợi ích của trẻ em”. Quy định này phù hợp với Điều 9 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “1. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng trẻ em sẽ không bị buộc phải cách ly cha mẹ trái với ý muốn của cha mẹ, trừ trường hợp những nhà chức trách có thẩm quyền chịu sự xem xét của pháp luật, quyết định rằng theo luật pháp và các thủ tục thích hợp một sự cách ly như thế là cần thiết cho những lợi ích tốt nhất của trẻ em. Một quyết định như thế có thể là cần thiết trong trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ xúc phạm hay sao nhãng, hoặc khi cha mẹ sống ly thân và cần phải có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em.

2. Trong mọi quá trình tố tụng theo như đoạn 1, tất cả các bên có liên quan phải được cơ hội tham gia quá trình tố tụng và bày tỏ quan điểm của mình.

3. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em bị sống cách ly khỏi cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, được duy trì quan hệ riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ phi khi những việc này trái với lợi ích tốt nhất của trẻ em”¹⁷.

Thứ năm, quyền sở hữu tài sản

Quyền sở hữu tài sản là quyền con người cơ bản của mọi công dân không phân biệt lứa tuổi. Vì vậy, trẻ em không vì lý do còn non nớt về thể chất và tinh thần hoặc còn ở chung với cha mẹ mà không được hưởng quyền đó. Khoản 1 Điều 44 Luật Hôn nhân và gia đình được Quốc

hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 9-04-2000 (Sau đây gọi tắt là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) quy định: “Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và các thu nhập hợp pháp khác”. Cha mẹ, người đỡ đầu, cơ quan, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em khi đến tuổi trưởng thành (đủ mười lăm tuổi trở lên như theo quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000).

Thứ sáu, quyền thừa kế

Quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế là những phạm trù pháp lý có quan hệ hữu cơ với nhau; pháp luật quy định trẻ em có quyền sở hữu tài sản, thì đồng thời cũng quy định trẻ em có những quyền năng trong quan hệ thừa kế. Quyền sở hữu tài sản của trẻ em là tiền đề để xuất hiện các quyền năng của trẻ em về thừa kế. Trẻ em có quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật”. Điều 635 Bộ luật này còn quy định cụ thể hơn về quyền thừa kế của trẻ em: “Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết”.

Thứ bảy, quyền được học tập

Trẻ em có quyền được học tập. Quyền trẻ em này nhằm tạo điều kiện cho việc phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Khoản 1 Điều 16 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “1. Trẻ em có quyền được học tập.

2. Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí”. Quyền được học tập của trẻ em còn được quy định cụ thể tại Điều 8 Luật Phổ cập giáo dục tiểu học ngày 12-8-1991: “1. Trẻ em 6 tuổi phải

¹⁶ Xem: Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em, Nxb Chính trị quốc gia, Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997, tr. 70 (phần tiếng Anh).

¹⁷ Xem: *Sđd*, tr. 29 – 30.

được học lớp 1 ngay từ đầu năm học.

2. Trẻ em vì lý do sức khỏe, vì hoàn cảnh gia đình có khó khăn đặc biệt hoặc ở những vùng quy định tại Điều 6 Luật này, có thể bắt đầu học tập lớp 1 sau 6 tuổi.

3. Trẻ em có khả năng đặc biệt thì được học lớp 1 trước 6 tuổi hoặc học vượt lớp khi cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền cho phép”.

Những quy định trên về quyền được học tập của trẻ em hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 28 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được học hành, và để đạt được việc thực hiện quyền này từng bước và trên cơ sở có cơ hội bình đẳng sẽ:

a) Thi hành giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có, không mất tiền cho tất cả mọi người;

b) Khuyến khích phát triển nhiều hình thức giáo dục trung học, cả giáo dục phổ thông và dạy nghề làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và mở cửa cho tất cả mọi trẻ em, và thi hành các biện pháp thích hợp như là thực hiện giáo dục không mất tiền và trợ cấp về tài chính khi cần thiết;

c) Dùng mọi phương tiện thích hợp để làm cho tất cả mọi người, trên cơ sở khả năng của mình, có thể hưởng nền giáo dục đại học;

d) Làm cho sự hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề có sẵn và có thể mở rộng cửa đối với mọi trẻ em;

e) Có biện pháp khuyến khích việc đi học nhà trường đều đặn và hạ thấp tỷ lệ bỏ học”¹⁸.

Thứ tám, quyền được chăm sóc sức khỏe

Sức khỏe của trẻ em là vốn quý nhất, là một trong những điều kiện cơ bản để trẻ em sống hạnh phúc, cho nên, trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe. Điều 15 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “1. Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.

2. Trẻ em dưới sáu tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập”. Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em còn

được quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30-6-1989: “1. Trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khỏe, được tiêm chủng phòng bệnh, dịch bệnh, được khám bệnh, chữa bệnh.

2. Ngành y tế có trách nhiệm phát triển, củng cố mạng lưới chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ em”. Những quy định trên về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 24 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em: “1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được hưởng mức độ cao nhất có thể đạt được về sức khỏe và các phương tiện chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. Các quốc gia thành viên cố gắng bảo đảm rằng không có trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe như vậy”¹⁹.

Thứ chín, quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi

Vui chơi, giải trí lành mạnh, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch là những nhu cầu văn hóa không thể thiếu của con người, nhất là trẻ em nhằm tạo sự phát triển về trí tuệ, đạo đức, thể chất của trẻ em. Điều 17 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí lành mạnh, được hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi”.

Thứ mười, các quyền dân sự, chính trị khác

Ngoài các quyền nói trên, theo Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, trẻ em còn có quyền tự do bày tỏ ý kiến, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tôn giáo... Đó là các quyền dân sự, chính trị mà trẻ em được hưởng.

Từ sự phân tích ở trên cho thấy, quyền trẻ em có nội dung rất rộng từ chính trị, dân sự, kinh tế đến văn hóa, xã hội, từng bước được Nhà nước ta ghi nhận và bảo đảm thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta và với các tiêu chuẩn tiến bộ về quyền trẻ em đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

¹⁸ Xem: *Sdd*, tr. 45 – 46.

¹⁹ Xem: *Sdd*, tr. 41 – 42.